TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HS-ST
Ngày: 11-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Hùng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Tạ Kỳ Trung;
2. Ông Cao Hoài Hiêm.

Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa: ông Lê Minh Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2023/HSST ngày 09 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Quang V, sinh năm 2002, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký HKTT: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Đinh Thị D; vợ: Trịnh Như Ý và 01 người con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 14/10/2023, tạm giam ngày 20/10/2023 cho đến nay. (có mặt)

Bị hại: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị D, sinh năm 1981; địa

chỉ: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người làm chứng:

1. Chị Trịnh Như Ý, sinh năm 2004; địa chỉ: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

2. Bà Trịnh Thị H1, sinh năm 1971; địa chỉ: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 12/10/2023, Phạm Quang V đến nhà bà Nguyễn Thị T (dì út của V) ngụ khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Do nhà bà T mở cửa và không có người trông coi nên V nảy sinh ý định lấy trộm tài sản; V đi vào phòng khách lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 Pro, màu đen tím xanh của bà T để trên tấm nệm bỏ vào trong túi quần và ra về. Khi đi đến khu vực Văn phòng khu phố A, phường A, thị xã T, V mở điện thoại của bà T và truy cập vào ứng dụng ví điện tử "MoMo" kiểm tra thì phát hiện trong tài khoản có số tiền 29.218.000 đồng; V chuyển số tiền 29.000.000 đồng qua tài khoản "MoMo" của bà Đinh Thị D (mẹ ruột V) trên điện thoại của V. Tại đây, V tiếp tục chuyển số tiền 218.000 đồng vào tài khoản ngân hàng T1 của V để nạp tiền chơi game. Chuyển tiền xong, V về phòng trọ nhờ Trịnh Như Ý (vợ của V) chở đến tiệm cầm đồ "T" thuộc khu phố S, phường A, thị xã T; tại đây, V sử dụng tài khoản "MoMo" của bà D chuyển vào tài khoản "MoMo" của bà Trịnh Thị H1 (chủ tiệm cầm đồ) 02 lần với tổng số tiền là 4.000.000 đồng để chuộc lại xe môtô biển số 70L2-012.89, bà H1 trả lại tiền mặt cho V số tiền 410.000 đồng và tiêu xài hết. Tại phòng trọ, V tiếp tục chuyển số tiền 24.800.000 đồng qua tài khoản ngân hàng M của V và sử dụng số tiền 9.800.000 đồng để nạp tiền chơi game. Đến ngày 13/10/2023, bà D phát hiện sự việc nên lấy điện thoại trả lại cho bà T và kêu V trả lại tiền cho bà T thì V chuyển khoản trả lại bà T số tiền 15.000.000 đồng. Tại Cơ quan điều tra, V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 68/KL-HĐĐGTS ngày 17/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 Pro, màu đen tím xanh, trị giá 2.100.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 66/CT-VKSTrB ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Phạm Quang

V về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo V về tội danh trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Quang V từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận bị hại Nguyễn Thị T đã nhận lại điện thoại di động bị mất trộm và số tiền 23.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu bị cáo V tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 6.218.000 đồng, bị cáo V đồng ý nên ghi nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Về bào chữa: bị cáo V thống nhất với Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến bào chữa cho mình.

Về nói lời nói sau cùng: bị cáo V xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không và người có quyền, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên toà, bị cáo V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản vụ việc, vật chứng, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã chứng minh được như sau: vào ngày 12/10/2023, tại khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, Phạm Quang V đã lấy trộm điện thoại di động và tiền Việt Nam của

bà Nguyễn Thị T với tổng trị giá là 31.318.000 đồng thì bị phát hiện.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Quang V phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tính chất của hành vi phạm tội và hình phạt:

Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo V là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

- Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận bà T đã nhận lại điện thoại di động và số tiền 23.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ghi nhận bị cáo V đồng ý tiếp tục bồi thường cho bị hại T số tiền còn lại là 6.218.000 đồng.

- Về vật chứng: ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý xong.

[5] Về án phí: bị cáo Phạm Quang V phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 310.900 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Đối với bà Đinh Thị D, bà Trịnh Thị H1 và chị Trịnh Như Ý không biết V lấy trộm điện thoại và tiền trong tài khoản "MoMo" của bà T nên không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Quang V 06 (S) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/10/2023.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự:

- Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận bà T đã nhận lại điện thoại di động và số tiền 23.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ghi nhận bị cáo V đồng ý tiếp tục bồi thường cho bà T số tiền còn lại là 6.218.000 (Sáu triệu hai trăm mười tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về vật chứng: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý xong.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo V phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 310.900 (Ba trăm mười nghìn chín trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc H2